

Số: /BC – DTNT.TĐ

Tuy Đức, ngày 14 tháng 10 năm 2025

**BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024-2025**

Thực hiện công tác công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Tuy Đức, báo cáo công khai thường niên cuối năm học 2024-2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Tuy Đức

2. Địa chỉ: Thôn 2, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng;

- Email: dtnttuyduc@moet.edu.vn

- Website: <http://ptdtnttuyduc.daknong.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của cơ sở giáo dục

- Sứ mệnh: Giáo dục học sinh phát triển về phẩm chất, năng lực đối với con em bản địa tại địa phương, đang học tập tại trường PTDTNT Tuy Đức.

- Tầm nhìn: là môi trường mà học sinh DTTS sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

- Giá trị cốt lõi: Đoàn kết, tôn trọng, kỷ cương, tình thương, khát vọng và phát triển

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Trung học phổ thông dân tộc nội trú huyện Tuy Đức được thành lập theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đi vào hoạt động tháng 9/2015;

Thực hiện Quyết định số 386/QĐ-UBND, ngày 06/3/2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đổi tên trường: Trường Trung học phổ thông dân tộc nội trú huyện Tuy Đức thành Trường Phổ Thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở- Trung học phổ thông Huyện Tuy Đức ;

Thực hiện Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc đổi tên trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Tuy Đức thành trường phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung

học phổ thông Tuy Đức;

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Trần Văn

Chức vụ: Hiệu trưởng, địa chỉ làm việc; Thôn 2. Xã Tuy Đức. Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0818508579

Thư điện tử: tranvan.dantocnoitru dakrlap@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Quyết định số 899/QĐ-UB ngày 23/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Tuy Đức;

Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông đã ra về việc đổi tên trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Tuy Đức thành Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông huyện Tuy Đức;

Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của tỉnh Lâm Đồng về việc đổi tên trường PTDTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức thành trường phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Tuy Đức;

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường, danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 2265 /QĐ-SGDĐT, ngày 30/ 8 /2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường phổ thông DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức, nhiệm kỳ 2021-2026;

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 739 /QĐ-SGDĐT, ngày 19/9/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Lâm Đồng;

Phó hiệu trưởng 1 được bổ nhiệm theo Quyết định số 358/QĐ-SGDĐT, ngày 31/7/2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Lâm Đồng

Phó hiệu trưởng 2 được bổ nhiệm theo Quyết định số 360/QĐ-SGDĐT, ngày 31/ 7 /2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT Lâm Đồng

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường thực hiện theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT, ngày 23/02/2023 của Bộ GDĐT về Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

Chức năng: Giáo dục và nuôi dưỡng học sinh dân tộc thiểu số, học sinh thuộc gia đình định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định trên địa bàn nhằm mục tiêu tạo nguồn đào tạo nhân lực có chất lượng .

Nhiệm vụ: nhiệm vụ theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định.

Thực hiện phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT, ngày 23/02/2023

Chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý học sinh dân tộc nội trú; đảm bảo các điều kiện để học sinh dân tộc nội trú được học tập, ăn, ở và sinh hoạt an toàn tại trường.

Tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù phù hợp với học sinh DTNT.

Giáo dục học sinh về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam; ý thức tham gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề truyền thống phù hợp với năng lực của học sinh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Theo dõi, thống kê số lượng học sinh, đánh giá hiệu quả giáo dục hằng năm và theo dõi từng giai đoạn để xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường PTDTNT.

d. Quyết định thành lập, sát nhập, chia tách, giải thể: Không.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng:

Họ và tên: Trần Văn , địa chỉ làm việc: Thôn 2, xã Tuy Đức , tỉnh Lâm Đồng.
Điện thoại: 0818508579

Thư điện tử: *tranvan.dantocnoitruakrlap@gmail.com*

- Phó Hiệu trưởng 1: Nguyễn Đăng Hưng

Họ và tên: Nguyễn Đăng Hưng, địa chỉ làm việc: Thôn 2, xã Tuy Đức , tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0384319970

Thư điện tử:

- Phó Hiệu trưởng 2:

Họ và tên: Nguyễn Đình Huỳnh Lương, địa chỉ làm việc: Thôn 2, xã Tuy Đức , tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0987724455 . Thư điện tử:

8. Các văn bản khác

Chiến lược phát triển của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế làm việc; Quy chế chi tiêu nội bộ; Kế hoạch giáo dục..(đính kèm).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN

1. Số lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ CM, NV	Ghi chú
1	Hiệu trưởng	01	ĐH	03
2	Phó Hiệu trưởng	02	ĐH	
3	Giáo viên THCS	01	ĐH	14 ĐH
4	Giáo viên THPT	15	ĐH	02 Thạc sĩ
5	Y tế học đường	01	TC	05
6	Kế toán	01	ĐH	
7	Văn thư-Thủ quỹ	01	ĐH	
8	Thư viện	01	ĐH	
9	Thiết bị dạy học	01		
10	Nhân viên cấp dưỡng	03	HĐ 111	
11	Bảo vệ	01	HĐ 111	
Tổng		28		

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- 100% CBQL, GV, NV đạt chuẩn về trình độ theo Luật GD 2019.

- 100% CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp theo Thông tư số 20/2018.

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, CBQL hoàn thành bồi dưỡng Thường xuyên hàng năm

-19/19 đạt tỷ lệ 100% CBQL, GV hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên hàng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**1. Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh; đối sánh theo yêu cầu tối thiểu theo quy định**

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/ đối sánh với yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
1	Tổng diện tích đất (m ²)	26653,9m ²	m ² /học sinh	Đạt
2	Tổng diện tích xây dựng	m ²	m ² /hs	Đạt

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Khối phòng hành chính quản trị: 04 phòng

Khối phòng học tập: 07 phòng học

Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng thư viện, 01 thiết bị; 02 phòng thực hành; 01 phòng tin học.

Khối phụ trợ: 01 phòng y tế

Khu sân chơi, thể dục thể thao: 02 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá (sân đất)

Khối phục vụ sinh hoạt : 01 hội trường; 01 nhà phục vụ hoạt động TDTT; 24 phòng ở học sinh; 01 nhà ăn.

Hạ tầng kỹ thuật: đủ so với yêu cầu tối thiểu theo quy định

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường

Hiện tại, trường có 07 máy tính cho bộ phận hành chính, 35 máy tính học sinh. Tất cả máy tính được kết nối Internet đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường chưa đảm bảo các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu

hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt được công khai trên trang Website.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng Giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Kết quả tự đánh giá chất lượng Giáo dục: chưa Đạt kiểm định

Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: báo cáo tự đánh giá năm học 2024-2025

Tiếp tục rà soát, sửa chữa, nâng cấp, mua sắm bổ sung và tham mưu các cấp quản lý đề đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng việc dạy học, Giáo dục theo yêu cầu chương trình GDPT 2018;

Có các biện pháp, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy học và Giáo dục học sinh;

Làm tốt hơn nữa công tác duy trì sĩ số, nâng cao hiệu quả Giáo dục.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng Giáo dục, đạt chuẩn quốc gia; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh

Nhà trường ban hành Kế hoạch số 18 /KH-PTDTNT.TĐ ngày 07/5/2025 về kế hoạch tuyển sinh THCS, THPT và tuyển bổ sung năm học 2025-2026 (*nhà trường tiến hành đăng tải website*).

b) Kế hoạch giáo dục

Nhà trường tổ chức góp ý, lấy ý kiến và ban hành Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 (*nhà trường tiến hành đăng tải website*).

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

Nhà trường có Ban đại diện CMHS, có kế hoạch phối hợp hoạt động trong năm học. Nhà trường đã phối hợp với các cơ quan chức năng, các lực lượng xã hội để chăm sóc, giáo dục học sinh. Thực hiện các chính sách đối với học sinh theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

Tặng giấy khen, tiền mặt cho những tập thể có thành tích trong phong trào thi đua theo quy chế từ đầu năm học. Nhà trường phối hợp với BDD CMHS, Đoàn Thanh niên khen thưởng đầy đủ, thời cho các HS có thành tích trong học tập, rèn luyện, tham gia các phong trào.

Phối hợp với các cơ quan ban ngành trên địa bàn và từ Sở Giáo dục thực hiện các chương trình tuyên truyền giáo dục pháp luật, Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, an toàn giao thông, tuyên truyền phòng chống ma túy...

Đoàn Thanh niên, Đội thiếu niên thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục truyền thống lịch sử, giáo dục tinh thần tương thân tương ái.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh: nhà trường công khai theo ngày, tuần, tháng tại nhà ăn học sinh để viên chức và người lao động được biết và tham gia giám sát hàng ngày.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số HS theo từng khối; số HS bình quân/lớp theo từng khối; số lượng HS nam/HS nữ, HS là người dân tộc thiểu số

Khối	Số lớp	Tổng số HS	HS nữ	HSNam	HSDT
6	1	35	22	13	35
7	1	35	20	15	35
8	1	35	20	15	35
9	1	34	27	07	33
10	1	35	33	02	34
11	1	35	20	15	35
12	1	28	19	09	28
Tổng	07	237	161	76	235

Chất lượng giáo dục toàn diện: toàn trường có 15 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Giỏi; kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh nhà trường không có hs tham gia; kỳ thi Olympic khối các trường THPT có 05 học sinh đạt Huy chương (02 Bạc; 03 Đồng). Hội thao Quốc phòng an ninh cấp tỉnh toàn trường đạt giải Nhất toàn đoàn đối với khối các trường liên cấp THCS-THPT.

Các cuộc thi khác các em học sinh của nhà trường đều tham gia và đạt giải cao. Cuộc thi Tìm hiểu công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông cấp tỉnh năm 2024 (bằng Tiếng anh) nhà trường đạt 04 giải Ba và 04 giải Khuyến khích. Triển khai đến bộ môn tiếng Anh tham gia cuộc thi Hùng biện tiếng Anh

cấp tỉnh, kết quả có 7/7 đề tài đạt giải (3 nhất; 3 nhì; 1 ba). Có 01 dự án tham gia cuộc thi KHKT cấp tỉnh cho học sinh, kết quả đạt giải nhì cấp tỉnh.

Về kết quả tốt nghiệp THPT và xét công nhận tốt nghiệp THCS;

Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT: tỷ lệ đậu tốt nghiệp đạt 100%;

Tỷ lệ xét tốt nghiệp THCS đối với khối lớp 9 đạt 100% (100% các em sau tốt nghiệp tiếp tục học lên cấp THPT và tham gia học nghề).

b) Thống kê kết quả đánh giá HS theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng HS được lên lớp, HS không được lên lớp

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo rèn luyện		32	35	35	29	33	28	27
1	Tốt		21	26	17	28	30	25	27
	Tỷ lệ		65.62%	74.29%	48.57%	96.55%	90.91%	89.29%	100%
2	Khá		11	9	15	1	1	3	0
	Tỷ lệ		34.38%	25.71%	42.86%	3.45%	3.03%	10.71%	0%
3	Đạt		0	0	1	0	1	0	0
	Tỷ lệ		0%	0%	2.85%	0%	3.03%	0%	0%
4	Chưa đạt		0	0	2	0	0	0	0
	Tỷ lệ		0%	0%	5.71%	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo KQ học tập		32	35	35	29	33	28	27
1	Tốt		1	0	1	2	6	0	5
	Tỷ lệ		3.12%	0%	2.86%	6.90%	18.18%	0%	18.52%
2	Khá		10	9	9	9	7	15	22
	Tỷ lệ		31.25%	25.71%	25.71%	31.03%	21.21%	53.57%	81.48%
3	Đạt		21	26	24	18	20	13	0
	Tỷ lệ		65.62%	74.29%	68.57%	62.07%	60.61%	46.43%	0%
4	Chưa đạt		0	0	1	0	0	0	0
	Tỷ lệ		0%	0%	2.86%	0%	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm		32	35	35	29	33	28	27
1	Lên lớp		32	35	34	29	33	28	27
	Tỷ lệ		100%	100%	97.14%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ	0,0	0.00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b	Học sinh Giỏi		1	0	1	2	6	0	5
	Tỷ lệ								
2	Đánh giá lại		0	3	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ		0.00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Không được lên lớp		0	0	2	0	0	0	0
	Tỷ lệ		0.00	0,00	5.71%	0,00	0,00	0,00	0,00
4	Chuyển trường đến/đi	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ	0,0	0.00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	Bị đình chỉ học tập	0,00	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (trong hè và trong năm học)	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HSG	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Cấp huyện								
2	Cấp tỉnh/thành phố								

3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0							
V	Số HS dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					29			27
VI	Số HS được công nhận TN (cả hai hệ)					29			27
1	Giỏi								
	Tỷ lệ								
2	Khá								
	Tỷ lệ								
3	Trung bình								
	Tỷ lệ								
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0							8
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ		18	20	26	25	19	19	22
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số		32	35	33	29	33	28	26

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở Giáo dục, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu (Dự toán được sử dụng trong năm):

ĐVT: đồng

Nguồn kinh phí	2025	2024
1. Ngân sách tỉnh thực hiện tự chủ	6.390.000.000	5.753.530.397
2. Ngân sách tỉnh không thực hiện tự chủ	5.965.130.434	4.740.551.518
- Nguồn TTLT 109 (nay là Nghị định 66)	5.750.630.434	4.759.302.825
- Thăm tặng quà tết	15.500.000	13.500.000
- Hỗ trợ ôn thi lớp 12	6.700.000	
- Nguồn đào tạo	20.000.000	9.000.000
- Nguồn khen thưởng Nghị định 73	199.000.000	99.000.000
Tổng cộng thu	12.355.130.434	10.634.333.222

b) Các khoản chi (Tại thời điểm tháng 9/2025):

➤ Nguồn ngân sách tỉnh thực hiện tự chủ:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	Thời điểm 9/2025	Thời điểm 9/2024
I	Chi tiền lương và thu		

	nhập		
1	Tiền lương	1.549.480.140	1.066.420.800
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	326.251.604	574.141.729
3	Phụ cấp lương	2.454.297.124	1.701.677.160
4	Các khoản đóng góp	390.334.381	279.927.241
5	Tiền thưởng	27.846.000	17.820.000
6	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	7.113.600	5.508.000
7	Công tác phí	102.400.000	32.500.000
8	Chi cho công tác Đảng (phụ cấp cấp ủy)	11.934.000	3.240.000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Thanh toán dịch vụ công cộng	32.525.722	17.348.384
2	Vật tư văn phòng	37.722.592	25.182.736
3	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	112.207.756	101.439.800
4	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị	14.676.600	13.713.799
5	Chi phí thuê mướn	19.000.000	44.000.000
6	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	65.934.700	32.404.064
7	Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn	0	0
8	Mua sắm tài sản vô hình	9.000.000	9.000.000
III	Chi hỗ trợ		
1	Phúc lợi tập thể	57.649.040	16.851.200
IV	Chi khác		

1	Chi khác	37.350.000	7.055.270
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	5.255.623.259	3.948.230.183

➤ Nguồn ngân sách tỉnh không thực hiện tự chủ:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	Thời điểm 9/2025	Thời điểm 9/2024
I	Nguồn TTLT 109 (nay là Nghị định 66)	3.666.702.652	3.260.540.328
1	Học bổng học sinh dân tộc nội trú	3.395.808.000	2.784.938.000
2	Hỗ trợ tiền tàu xe về dịp tết và dịp nghỉ hè	24.570.000	13.410.000
3	Chi phí thuê mướn	10.000.000	18.000.000
4	Thanh toán dịch vụ công cộng (Điện, nước)	45.809.330	39.635.116
5	Sách báo tạp chí thư viện		3.646.000
6	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	190.515.322	401.321.212
7	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình hạ tầng cơ sở khác	0	
II	Thăm tặng quà tết	14.000.000	13.500.000
III	Tiền thưởng Nghị định 73	0	99.000.000
1	Thưởng đột xuất	0	0
	Tổng cộng	0	99.000.000

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

- Hằng năm nhà trường lập danh sách học sinh được miễn học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực Giáo dục đào tạo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và cấp bù kinh phí.

- Học sinh được hưởng các chế độ theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12

tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở Giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

1. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh

- Luôn quan tâm đến giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên đến cán bộ, giáo viên, nhân viên của đơn vị; sự đoàn kết, thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thực sự gương mẫu, là tấm gương sáng về mọi mặt cho học sinh noi theo. Trong năm học không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm bị xử lý, kỷ luật.

- Luôn giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp cho CBQL, GV, NV và học sinh qua các hoạt động ngoại khóa, HĐTN và các hoạt động tập thể khác; 100% CBGV, NV đăng ký và thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng văn hóa học đường, xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết.

- Xây dựng trường học an toàn, tăng cường phòng, chống bạo lực học đường; hướng dẫn kỹ năng hỗ trợ, xử lý tình huống cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và kỹ năng biết tự ứng phó, xử lý tình huống cho học sinh khi gặp các tình huống có liên quan đến bạo lực học đường, các vụ việc bạo lực học đường được phát hiện sớm và giải quyết kịp thời tạo tâm lý tốt cho học sinh khi ở trường.

- Lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác giáo dục quốc phòng và an ninh theo đường lối, chủ trương của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Phát huy vai trò của giáo dục quốc phòng, an ninh trong giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân, giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

2. Công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

- Xây dựng kế hoạch và triển khai công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích. Trong năm học không để xảy ra dịch bệnh.

- Tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh; kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học. Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) về sức khỏe học đường và xây dựng trường học an toàn, thân thiện. Trong năm không có vụ việc mất an toàn thực phẩm nào, nấu ăn cho học sinh đủ khẩu phần, dinh dưỡng.

- Tổ chức, triển khai Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025”, Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ

thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025”.

- Tổ chức, triển khai Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình GDPT 2018 và tổ chức tốt Hội khỏe phù đồng các cấp, tham gia cấp tỉnh đạt kết quả tốt.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong đơn vị

- Chỉ đạo và hướng dẫn giáo viên, CBQL thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Xây dựng hoàn thiện các CSDL ngành giáo dục, kết nối liên thông dữ liệu trong ngành giáo dục và kết nối với các CSDL quốc gia, tăng cường sử dụng các phần mềm hỗ trợ giáo dục.

- Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp về công tác chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng tăng cường áp dụng hiệu quả công nghệ số. Mở rộng các dịch vụ công trực tuyến toàn trình lĩnh vực GD&ĐT áp dụng lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số và đồng bộ với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục. Triển khai hệ thống CSDL ngành GD&ĐT Lâm Đồng, đồng bộ với hệ thống CSDL của Bộ GD&ĐT, ứng dụng chuyển đổi số trong việc quản lý các cơ sở giáo dục trong toàn ngành để tạo sự thống nhất, đồng bộ, hiệu quả. Bước đầu áp dụng hồ sơ, sổ sách điện tử chính thức trong việc quản lý hồ sơ, sổ sách chuyên môn tại đơn vị.

4. Thực hiện các phong trào thi đua trong toàn ngành

- Tổ chức triển khai các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động đối với lĩnh vực GD&ĐT; phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tổ chức triển khai phong trào thi đua “Cả nước xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”; tổ chức triển khai và tham gia tất cả các phong trào thi đua do ngành và cấp trên tổ chức.

- Thực hiện các chính sách về thi đua, khen thưởng nhằm thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước.

- Đẩy mạnh phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng, tôn vinh các mô hình hay, những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt tại đơn vị và trong ngành. Nhận thức về vai trò của công tác thi đua, khen thưởng, thi đua là động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

5. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

- Thông tin, truyền thông thường xuyên về các chủ trương, chính sách mới của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và của tỉnh về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT.

- Truyền thông để nhân rộng điển hình tiên tiến, cách làm hay, mô hình sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc để xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp nhiều

6. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trung học

Năm học 2025-2026 nhà trường căn cứ Công văn số 647/SGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026; Công văn số 643/SGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục trung học năm học 2025-2026 tiến hành hướng dẫn các tổ chức, bộ phận trong nhà trường tổ chức thực hiện. Thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh.

7. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục đến toàn thể GV nhà trường; chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT, ngày 12/9/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Tổ chức triển khai Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông. Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

8. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT

a) Đối với môn Tiếng Anh Trường có 02 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học THCS và THPT

b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục tin học

Trường có 01 giáo viên dạy môn Tin học, có 01 phòng máy với 24 máy vi tính. Công tác triển khai chuyển đổi số, thực hiện triển khai Học bạ số: Đối với việc

triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số.

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức các trang thông tin phù hợp.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chuyển đổi số. Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên Vnedu, CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống CSDL; tham gia sinh hoạt, hội họp qua trực tuyến khi cần thiết.

Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

Đối với việc triển khai Học bạ số: triển khai thực hiện học bạ số, phối hợp với đơn vị cung cấp tổ chức tập huấn để 100% cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện ký số trên hệ thống Vnedu thuận thực, có hiệu quả.

Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018 Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, Lịch sử, Địa lí, Kinh tế, Xã hội, Môi trường, Hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết quý trọng và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn

Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.

9. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm phát hiện và biết bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, đồng thời có kế hoạch và biện pháp phụ đạo các học sinh còn hạn chế về học tập.

100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng

để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết hợp sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; theo dõi ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, đưa ra các biện pháp giúp đỡ học sinh còn hạn chế về học tập; đề xuất các biện pháp rèn phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Phối hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm phát huy năng lực học tập của học sinh.

10. Tuyên truyền các văn bản hướng dẫn việc đánh giá học sinh cho giáo viên và cha mẹ học sinh

Thực hiện đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích, ghi nhận sự tiến bộ hằng ngày của từng học sinh; chỉ đạo giáo viên linh hoạt các hình thức đánh giá thường xuyên phù hợp với môn học và điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Tổ chức xây dựng đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu nội dung dạy học ở từng giai đoạn học tập của học sinh. Bài kiểm tra kết hợp giữa trắc nghiệm, trả lời đúng sai và trả lời ngắn, nội dung bài kiểm tra kết hợp giữa kiến thức đã học trong nhà trường và những nội dung vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông Tuy Đức ./.

Nơi nhận:

- Trang Website;
- Bảng tin;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn